

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
NIÊM YẾT TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Cung cấp dữ liệu đất đai	1.
02	Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã	2.
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	3.
02	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	4.
03	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	5.
04	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	6.
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC KHUYẾN NÔNG</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 519 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	7.
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2253 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	8.
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2253 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	9.
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN</b> <i>Kèm theo Quyết định số 859 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	
01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	10.
02	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	11.
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2992 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	12.
02	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	13.

<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>		
<b>VIII</b>	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Cấp bản sao từ sổ gốc	14.
02	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	15.
03	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	16.
04	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	17.
05	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	18.
06	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	19.
07	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	20.
08	Chứng thực di chúc	21.
09	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	22.
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	23.
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	24.
<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>		
<b>IX</b>	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Đăng ký khai sinh	25.
02	Đăng ký kết hôn	26.
03	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	27.
04	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	28.
05	Đăng ký khai tử	29.
06	Đăng ký khai sinh lưu động	30.
07	Đăng ký kết hôn lưu động	31.
08	Đăng ký khai tử lưu động	32.
09	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	33.
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	34.
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	35.
12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	36.
13	Đăng ký giám hộ	37.
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	38.
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	39.
16	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	40.
17	Đăng ký lại khai sinh	41.
18	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	42.
19	Đăng ký lại kết hôn	43.
20	Đăng ký lại khai tử	44.

21	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	45.
22	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	46.
23	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	47.
<b>X</b>	<b>LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Thủ tục công nhận hòa giải viên	48.
02	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	49.
03	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	50.
04	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	51.
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	52.
02	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	53.
<b>XII</b>	<b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)	
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	54.
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	55.
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	56.
<b>XIII</b>	<b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	57.
2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	58.
<b>XIV</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	59.
02	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	60.
03	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	61.
04	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	62.
05	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	63.

06	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	64.
<b>XV</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	65.
02	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	66.
<b>XVI</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	67.
02	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	68.
03	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	69.
04	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	70.
05	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	71.
06	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	72.
<b>XVII</b>	<b>LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	73.
02	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	74.
03	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	75.
<b>XVIII</b>	<b>LĨNH VỰC DÂN SỐ</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	76.
<b>XIX</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND tỉnh ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	77.
02	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	78.
03	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	79.
04	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	80.
05	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	81.
<b>XX</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ</b> (Kèm theo Quyết định số: 2581/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ	

	<i>tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	82.
02	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	83.
03	Thông báo tổ chức lễ hội	84.
<b>XXI</b>	<b>LĨNH VỰC THƯ VIỆN</b> <i>(Kèm theo Quyết định số: 2581/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	85.
<b>XXII</b>	<b>LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO</b> <i>(Kèm theo Quyết định số: 2581/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	86.
<b>XXIII</b>	<b>LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2000 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	87.
02	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	88.
03	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	89.
04	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	90.
<b>XIV</b>	<b>LĨNH VỰC TÔN GIÁO</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2000 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	91.
02	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	92.
03	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	93.
04	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	94.
05	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	95.
06	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	96.
07	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	97.
08	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	98.
09	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	99.
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	100.

	<b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</b>	
XXV	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 01 năm 2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	101.
02	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	102.
03	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	103.
04	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	104.
05	Thủ tục thực hiện việc giải trình	105.
	<b>LĨNH VỰC KINH TẾ TẬP THỂ - HỢP TÁC XÃ</b>	
XXVI	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2014 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thành lập tổ hợp tác	106.
02	Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác	107.
03	Chấm dứt tổ hợp tác	108.
04	Xác nhận Đơn đề nghị hỗ trợ Tổ hợp tác	109.
	<b>LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO</b>	
XXVII	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Thủ tục Tiếp công dân	110.
02	Thủ tục Xử lý đơn thư	111.
03	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu	112.
04	Thủ tục Giải quyết tố cáo	113.
	<b>LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>	
XXVIII	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	
01	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	114.
	<b>LĨNH VỰC DÂN TỘC</b>	
XXIX	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	115.
02	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	116.
	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	
XXX	<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	117.
02	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	118.
	<b>TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>	
XXXI	<i>(Ban hành theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	

1.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	119.
2.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	120.
3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	121.
4.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	122.
5.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	123.
6.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	124.
7.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	125.
8.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	126.
9.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	127.
10.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	128.
11.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	129.
12.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	130.
13.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	131.
14.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	132.
15.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	133.
16.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	134.
17.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	135.
18.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	136.
19.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	137.
20.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	138.
21.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng	139.

23	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	140.
XXXII	<b>TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2930 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
24.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	141.
25.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	142.
26.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	143.
27.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	144.
28.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	145.
29.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	146.
30.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	147.
XXXIII	<b>LIÊN THÔNG VỀ ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, HƯỞNG CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT/ HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/ HƯỞNG MAI TÁNG PHÍ</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2048 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
1	Liên thông 3 thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí	148.
2	Liên thông 2 thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	149.
3	Liên thông 2 thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí	150.
XXXIV	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI CẤP HUYỆN, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC LỰA CHỌN NỘP HỒ SƠ TẠI UBND CẤP XÃ</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 2893 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	
1.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	151.
2.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất,	152.



	quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
3.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sụt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	153.
4.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	154.
5.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	155.
6.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	156.
7.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	157.
8.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	158.
9.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	159.
10.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	160.
11.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	161.
12.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	162.
13.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	163.
14.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	164.
15.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở	165.
16.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước	166.

	theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
17.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	167.
18.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	168.
19.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	169.
20.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	170.
21.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	171.
<b>xxxv</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC</b> <b>PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b> <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số:2462 /QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	
01	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	172.
02	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	173.
03	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	174.

